

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ
THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU**

*(Ban hành theo Quyết định số 4168/QĐ-ĐHSP, ngày 15 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)*

Ngành đào tạo: Sinh học thực nghiệm

Mã số: 8420114

THÁI NGUYÊN – 2021

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 10 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4168/QĐ-ĐHSP 15 10
ngày tháng năm 2021 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)

1. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo
 - + Tiếng Việt: **Sinh học thực nghiệm**
 - + Tiếng Anh: Experimental Biology
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8420114
- Tên ngành đào tạo
 - + Tiếng Việt: Sinh học
 - + Tiếng Anh: Biology
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ Sinh học
Sinh học thực nghiệm
 - + Tiếng Anh: Master of Science in Biology
Experimental Biology
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Sinh học trình độ trên đại học có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt và trách nhiệm nghề nghiệp; có năng lực giảng dạy và nghiên cứu sinh học ở trường phổ thông, cao đẳng và đại học; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác trong công việc tại các cơ sở giáo dục - đào tạo, các viện nghiên cứu và các cơ sở có liên quan đến lĩnh vực Sinh học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, đặc biệt là khu vực trung du miền núi phía Bắc, đảm bảo đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

CO1. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt và trách nhiệm nghề nghiệp, có lòng say mê khoa học và tình yêu nghề nghiệp.

CO2. Có năng lực Sinh học chuyên sâu, hiện đại đáp ứng được yêu cầu dạy học sinh học ở trường phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo khác có liên quan;

CO3. Có năng lực và cách tiếp cận nghiên cứu Sinh học đáp ứng yêu cầu của các cơ sở có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng Sinh học.

CO4. Sử dụng được tiếng Anh, công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu Sinh học.

CO5. Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác trong công việc và hội nhập quốc tế

3. Chuẩn đầu ra (PLO)

* Kiến thức

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về triết học trong giảng dạy và nghiên cứu.

PLO2: Xác định được vấn đề, phương pháp giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và dạy học Sinh học.

PLO3: Sử dụng được kiến thức sâu và phương pháp luận khoa học về chuyên ngành trong dạy học và nghiên cứu.

* Kỹ năng

PLO4: Phát triển được kỹ năng đàm phán, thuyết trình, viết báo cáo, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu; kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm trong các hoạt động tại đơn vị công tác.

PLO5: Sử dụng thành thạo các phần mềm Tin Sinh học và phân tích dữ liệu liên quan đến hoạt động chuyên môn.

PLO6: Đáp ứng được chuẩn đầu ra tiếng Anh theo quy định.

PLO7: Phát triển được kỹ năng phân tích, xử lý những vấn đề trong nghiên cứu và giảng dạy.

* Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO8: Phát triển được kỹ năng dạy học, nghiên cứu Sinh học với tinh thần trung thực và trách nhiệm cao.

PLO9: Nâng cao ý thức, thái độ sẵn sàng tham gia các hoạt động ứng dụng kiến thức và giảng dạy Sinh học để phục vụ cộng đồng.

4. Ma trận quan hệ mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
CO1	x							x	x
CO2		x	x					x	x
CO3				x			x	x	x
CO4					x	x			
CO5							x	x	x

5. Thông tin tuyển sinh

5.1. Hình thức tuyển sinh: thi tuyển

Các môn:

1. Môn Ngoại ngữ.
2. Sinh học đại cương
3. Tế bào - Di truyền

5.2. Đối tượng tuyển sinh

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp loại trung bình khá trở lên ($\geq 6,5$ (niên chế) $\geq 2,2$ (tín chỉ) được đăng ký dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

- Nếu tốt nghiệp đại học ngành gần/ngành phù hợp thì cần bổ sung chương trình kiến thức để đạt trình độ tương đương.

- Ngoài những đối tượng phù hợp về văn bằng, những đối tượng còn lại phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành đăng kí dự thi, kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ.

5.3. Danh mục các chuyên ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần

- Danh mục các ngành đúng:

- 1) Sư phạm Sinh học
- 2) Cử nhân Sinh học
- 3) Cử nhân Công nghệ sinh học
- 4) Sư phạm Sinh - KTNN
- 5) Cử nhân Sinh học ứng dụng

- Danh mục các ngành phù hợp:

- 1) Sư phạm Sinh - Hóa
- 2) Sư phạm Sinh - Địa
- 3) Kỹ sư công nghệ Sinh học
- 4) Cử nhân khoa học y sinh
- 5) Cử nhân Sư phạm KTNN

- Danh mục các ngành gần:

- 1) Khoa học cây trồng
- 2) Chăn nuôi, Thú y
- 3) Trồng trọt
- 4) Khoa học lâm nghiệp
- 5) Cử nhân kỹ thuật y sinh

6. Nội dung đào tạo

Khối lượng học tập của mỗi học phần, chuyên đề được xác định bằng số tín chỉ và đảm bảo số tín chỉ của chương trình đào tạo (là 60 tín chỉ). 1 tín chỉ tương đương 50 giờ học định mức của người học, bao gồm thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá. 1 giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

4/ Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo thể hiện rõ vai trò của từng học phần, chuyên đề, sự liên kết logic và bổ trợ lẫn nhau đảm bảo thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra; thể hiện rõ đặc điểm và yêu cầu chung về chuyên môn, nghề nghiệp trong lĩnh vực, nhóm ngành, tạo điều kiện thực hiện liên thông giữa các nhóm ngành và trình độ đào tạo; đồng thời thể hiện rõ đặc điểm và yêu cầu riêng của ngành đào tạo; quy định rõ học phần bắt buộc, tự chọn, chuyên đề, phù hợp với nghề nghiệp của học viên.

5/ Phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập:

Phương pháp dạy học được thiết kế theo tiếp cận lấy người học làm trung tâm và người học là chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, chuyên đề và của cả chương trình đào tạo.

Đánh giá kết quả học tập dựa trên chuẩn đầu ra và làm rõ mức độ đạt được của người học theo các mức độ được xác định cụ thể trong các Rubric của mỗi hình thức ở mỗi học phần. Hình thức đánh giá đa dạng, gồm đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

6/ Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ để tổ chức giảng dạy và hỗ trợ người học, đảm bảo được yêu cầu tối thiểu về số lượng, cơ cấu, trình độ, năng lực, kinh nghiệm theo quy định của chuẩn chương trình. Các giảng viên tham gia đều có trình độ tiến sĩ, có ít nhất 5 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, trong đó có 01 giáo sư và ít nhất 2 phó giáo sư chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo. Các giảng viên cơ hữu đều có chuyên môn phù hợp, chủ trì giảng dạy đối với từng học phần, chuyên đề và đủ điều kiện hướng dẫn, đảm bảo tỉ lệ tối đa 5 học viên/1 người hướng dẫn.

7/ Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu đảm bảo yêu cầu cho chương trình đào tạo. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị dạy học, thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo để người học đạt được chuẩn đầu ra phù hợp với đặc điểm của ngành đào tạo.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG ĐÀO TẠO

P. TRƯỞNG KHOA



Đạt
Dạy Gy Đạt

Hàng
Nguyễn Thị Hàng